

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thiết bị tường lửa cho vùng máy chủ nội bộ và thiết bị kiểm soát truy cập mạng NAC (Network Access Control) theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: cung cấp thiết bị tường lửa cho vùng máy chủ nội bộ và thiết bị kiểm soát truy cập mạng NAC (Network Access Control)
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 6 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của chủ đầu tư.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 19/12/2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
  - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
  - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Công nghệ thông tin, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Thu Tuyết      Số điện thoại: 028.39525391

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, CNTT (J23-130-ntttuyet) (2).

TUỶ GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Trần Văn Đức



fu

**PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT**  
(Đính kèm Công văn số 6420/BVĐHYD-CNTT ngày 10 tháng 12 năm 2025)

**I. Phạm vi cung cấp**

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
1	Tường lửa cho vùng máy chủ nội bộ	Bộ	02
2	Thiết bị kiểm soát truy cập mạng NAC (Network Access Control)	Bộ	02

**II. Yêu cầu kỹ thuật**

STT	Tên danh mục	Mô tả kỹ thuật
I.	<b>Tường lửa cho vùng máy chủ nội bộ</b>	
1.	Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết bị vật lý, dạng Rackmount có kích thước 1U hoặc 2U</li> <li>- Nguồn: 2 x 400W AC Power Supply</li> <li>- Ổ cứng: SSD <math>\geq</math> 900GB</li> <li>- Cáp quang: <math>\geq</math> 4 x Active Optical SFP28 Cable, 1M</li> <li>- Cáp quang: <math>\geq</math> 4x Active Optical SFP28 Cable, 5M</li> <li>- Cáp nguồn: <math>\geq</math> 2 x Power Cord Jumper, C13-C14 Connectors, 2 Meter</li> <li>- Thiết bị vật lý 1U hoặc 2U, hỗ trợ Firewall: <math>\geq</math> 49 Gbps, <math>\geq</math> IPS 45 Gbps, IPSEC VPN <math>\geq</math> 39.4 Gbps</li> <li>- Hỗ trợ phiên kết nối đồng thời: <math>\geq</math> 10 triệu</li> <li>- Có tính năng Application Control: hỗ trợ lên đến 4000 ứng dụng bao gồm cả geolocations</li> <li>- Có Security Intelligence: với IP, URL và DNS</li> <li>- Có tính năng IPS: Intrusion detection and prevention, File control</li> <li>- Có phòng chống Malware: cho phép nhận dạng, chặn, phân tích các mã độc malware trong và sau các cuộc tấn công</li> <li>- Có IPS signature updates</li> <li>- Có API cho tích hợp với thirdparty</li> <li>- Hoạt động cơ chế dự phòng cao (HA) Active/active, Active/standby cùng với Clustering</li> <li>- Cổng tích hợp sẵn: 8 x 10M/100M/1GBASE-T Ethernet interfaces (RJ-45) và 8 x 1/10/25 Gigabit (SFP) Ethernet interfaces</li> <li>- Khả năng mở rộng theo module: 8 x 1/10/25G (khi có nhu cầu nâng cấp về sau)</li> <li>- Có khả năng nhận diện malware/advanced attacks mà không cần giải mã dữ liệu với tính năng EVE (Encrypted Visibility Engine) hay Magnifier behavioral analytics</li> <li>- Có khả năng Policy Analyzer và Optimizer với AIOPS. Tự động đưa ra khuyến nghị để khắc phục Policy</li> <li>- Có khả năng QUIC decryption</li> <li>- Trung tâm Threat Intelligence phải hỗ trợ phân tích <math>\geq</math> 500 tỉ event/ngày</li> </ul>

STT	Tên danh mục	Mô tả kỹ thuật
2.	Bản quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Threat Defense, Malware ≥ 36 tháng</li> <li>- Management Center hoặc Panorama Management cài đặt trên VMWare để quản lý tập trung 2 thiết bị tường lửa</li> </ul>
<b>II.</b>	<b>Thiết bị kiểm soát truy nhập mạng (NAC)</b>	
1.	Yêu cầu chung	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kiểm soát truy cập Network Access Control cho mạng LAN, Wireless (NAC)</li> <li>- Thiết bị vật lý, đảm bảo dự phòng HA</li> <li>- Ổ cứng: ≥ 960GB</li> <li>- Nguồn: 2 x 1100w hoặc 1200w AC Titanium Power Supply</li> <li>- Cổng kết nối: 2 X 10Gbase-T, 4 X 10GE SFP hoặc 8 x 10G/25G SFP28</li> <li>- Cấp nguồn: 2 x Power Cord Jumper, C13-C14 Connectors, 2 Meter Length</li> <li>- Hỗ trợ đồng thời số lượng active endpoint hoặc concurrent sessions: ≥ 50000</li> <li>- Tính năng zero trust</li> <li>- Tính năng TACACS kiểm tra người dùng truy cập vào thiết bị mạng</li> <li>- Tích hợp LDAP, SAML, Certifications, OTP</li> <li>- Tính năng kiểm tra thông tin antivirus/antimalware và antispyware, registry settings/entries, patch management, disk encryption</li> <li>- Tính năng quarantine cho endpoint/device</li> <li>- Tích hợp pxGrid</li> </ul>
2.	Bản quyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản quyền license kiểm soát truy cập nâng cao tối thiểu 36 tháng: Hỗ trợ các tính năng cơ bản và các tính năng nâng cao bao gồm: Posture và Profiling (hay host information profile) , MDM Compliance, BYOD, Group Policy ≥ 1000 thiết bị</li> <li>- Bản quyền license cài đặt Agent/SecureConnector cho endpoint tối thiểu 36 tháng cho ≥ 1000 thiết bị</li> <li>- License kiểm soát truy cập cơ bản tối thiểu 36 tháng: cho tính năng 802.1X hay Radius và Guest cho ≥ 6000 thiết bị</li> </ul>
<b>III.</b>	<b>Bản quyền dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật từ nhà sản xuất</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- ≥ 36 tháng kể từ ngày cài đặt</li> <li>- Thời gian hỗ trợ ≥ 8 giờ/ ngày, ≥ 5 ngày / tuần, thiết bị thay thế được giao và lắp đặt tận nơi vào ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp phần cứng bị hư hỏng (Next Business Day)</li> <li>- Đổi trả thiết bị trong trường hợp lỗi phần cứng trong thời gian bảo hành.</li> </ul>
<b>IV.</b>	<b>Các yêu cầu khác</b>	

STT	Tên danh mục	Mô tả kỹ thuật
1.	Tính đồng bộ	Danh mục tường lửa cho vùng máy chủ nội bộ và thiết bị kiểm soát truy nhập mạng (NAC) có cùng hãng sản xuất
2.	Năm sản xuất	Hàng hóa sản xuất từ năm 2025 trở đi (trừ các phụ kiện cáp, tranceiver)
3.	Yêu cầu về tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng hàng hóa	Cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh xuất xứ CO đối với hàng nhập khẩu và tài liệu chứng minh chất lượng (CQ).
4.	Triển khai cài đặt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai tích hợp vào hệ thống trung tâm dữ liệu Bệnh viện</li> <li>- Cài đặt, cấu hình hệ thống và tích hợp tất cả các ứng dụng Bệnh viện.</li> <li>- Cài đặt các rule/policy theo yêu cầu của Chủ đầu tư</li> <li>- Cài đặt Agent cho các máy trạm theo license trong gói thầu</li> <li>- Có kế hoạch dự phòng xử lý các tình huống phát sinh, khôi phục hệ thống trong trường hợp tích hợp chuyển đổi không thành công để đảm bảo tính liên tục của hệ thống.</li> <li>- Có phương án, kế hoạch triển khai, bản vẽ, thiết kế sơ đồ chi tiết, khoa học, phù hợp với hệ thống mạng Bệnh viện.</li> </ul>
5.	Đào tạo hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo sau triển khai</li> <li>- Đào tạo vận hành hệ thống cho quản trị viên</li> <li>- Nhà thầu lập kế hoạch đào tạo cho các cán bộ quản trị, vận hành hệ thống do chủ đầu tư cung cấp danh sách.</li> <li>- Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng tài liệu các quy trình cài đặt, triển khai hệ thống, quy trình quản trị vận hành hệ thống.</li> <li>- Nhà thầu sẽ cung cấp nội dung và tài liệu hướng dẫn cài đặt/ sử dụng cho các đối tượng tham gia đào tạo.</li> <li>- Nội dung đào tạo: Nhà thầu soạn thảo tài liệu đào tạo và trình cho Chủ đầu tư xem xét trước khi tổ chức đào tạo. Phạm vi đào tạo về các thiết bị được đầu tư trong dự án (quản trị, vận hành, trouble shoot, ...).</li> </ul>
6.	Tài liệu	<p>Các tài liệu cần bàn giao bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài liệu tích hợp hệ thống</li> <li>- Tài liệu đào tạo theo kế hoạch đào tạo</li> <li>- Tài liệu hướng dẫn sử dụng cho từng đối tượng người dùng</li> </ul>
7.	Bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian bảo hành: <math>\geq 36</math> tháng kể từ ngày nghiệm thu</li> <li>- Cam kết hỗ trợ kỹ thuật 24/7 cho người sử dụng trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, đảm bảo sẵn sàng cung cấp dịch vụ bảo trì khi chủ đầu tư có yêu cầu.</li> </ul>

STT	Tên danh mục	Mô tả kỹ thuật
	từ nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi có yêu cầu về bảo hành, Nhà thầu phải cử chuyên gia (nhân sự có chuyên môn phù hợp) liên hệ để thực hiện công tác bảo hành và có khả năng đáp ứng trong vòng 01 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu hết thời gian này mà Nhà thầu chưa liên hệ để thực hiện công tác bảo hành hoặc có liên hệ nhưng không đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền thuê đơn vị khác thực hiện và toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.</li> <li>- Nhà thầu luôn có đội ngũ kỹ thuật riêng của mình để thực hiện việc bảo hành (có cung cấp số điện thoại đường dây nóng và địa chỉ để liên hệ).</li> </ul>
8.	Bảo trì	Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, định kỳ bảo trì thiết bị 6 tháng/lần và định kỳ bảo trì phần mềm theo quy định của nhà sản xuất.
9.	Cập nhật	Nhà thầu phối hợp với Chủ đầu tư nâng cấp, cập nhật phiên bản mới của thiết bị chào thầu khi có phiên bản cập nhật mới từ nhà sản xuất
10.	Yêu cầu bảo mật thông tin	Nhà thầu phải tuân thủ các quy định về an toàn thông tin của Bệnh viện trong quá trình triển khai, thực hiện gói thầu này. Nhà thầu phải đảm bảo rằng (có cam kết) thiết bị, phần mềm cung cấp trong chào thầu không bị nhà sản xuất/nhà thầu hoặc bên thứ ba cố ý cài các phần mềm gián điệp hoặc phần mềm có mục đích xấu như: lấy cắp thông tin khách hàng, truy cập trái phép,... Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện được những vấn đề nêu trên, Chủ đầu tư có quyền trả lại hàng hóa và nhà thầu phải chịu mọi rủi ro, chi phí liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật.
11.	Kiểm tra và thử nghiệm	<p>Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới đơn vị sử dụng (riêng kiểm tra hoạt động sẽ tiến hành sau khi nhà thầu hoàn thành triển khai chuyên đổi, tích hợp hệ thống).</li> <li>- Cách thức tiến hành kiểm tra: Đại diện hai bên tiến hành kiểm tra chi tiết từng loại thiết bị căn cứ theo hợp đồng đã ký kết và các tài liệu có liên quan.</li> </ul> <p>+ Kiểm tra niêm phong hàng hóa.</p> <p>+ Kiểm tra Part Number; Serial number; CO, CQ của thiết bị.</p> <p>+ Kiểm tra thông số kỹ thuật của thiết bị.</p> <p>+ Kiểm tra hoạt động, tính năng của giải pháp (thực hiện sau khi nhà thầu triển khai chuyên đổi, tích hợp hệ thống) trước khi nghiệm thu tổng thể.</p> <p>- Mọi chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu do Bên bán thanh toán.</p>